

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1511/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt điều chỉnh Đề án Tăng cường năng lực
kiểm định chất lượng công trình xây dựng ở Việt Nam

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Đề án Tăng cường năng lực kiểm định chất lượng công trình xây dựng ở Việt Nam với các nội dung chính như sau:

1. Mục tiêu của Đề án

a) Mục tiêu chung

Triển khai đồng bộ các giải pháp tăng cường năng lực kiểm định nhằm nâng cao chất lượng và đảm bảo an toàn công trình xây dựng, đáp ứng yêu cầu phát triển xây dựng đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020.

b) Mục tiêu cụ thể

Tăng cường năng lực cho các tổ chức hoạt động trong các lĩnh vực thí nghiệm, kiểm định, quan trắc, cụ thể:

- Nâng cao năng lực thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đến năm 2015:

+ Về số lượng: Đến năm 2015 thiết lập khoảng 1.300 phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng trên cả nước đáp ứng yêu cầu theo các quy định của pháp luật về điều kiện năng lực đối với hoạt động thí nghiệm.

+ Về năng lực: Đủ năng lực thí nghiệm các chỉ tiêu cơ, lý, hoá của vật liệu xây dựng nhập khẩu và sản xuất trong nước, sản phẩm, cấu kiện và kết cấu công trình nhằm kiểm soát chất lượng công trình xây dựng trên phạm vi toàn quốc.

- Nâng cao năng lực kiểm định, giám định chất lượng công trình xây dựng đến năm 2015:

+ Về số lượng: Đến năm 2015 trên phạm vi cả nước thiết lập khoảng 80 tổ chức đáp ứng tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17020 : 2001, ISO/IEC Guide 65|1996, đảm bảo mỗi địa phương có ít nhất một tổ chức kiểm định hoặc giám định chất lượng xây dựng hợp chuẩn.

+ Về năng lực: Đáp ứng yêu cầu kiểm định, giám định sự cố công trình, đánh giá an toàn và chất lượng công trình trong quá trình xây dựng, vận hành, khai thác và sử dụng; đáp ứng yêu cầu chứng nhận hợp quy đối với sản phẩm, cấu kiện xây dựng, chứng nhận an toàn chịu lực của công trình xây dựng.

2. Các giải pháp thực hiện

a) Nghiên cứu, đổi mới và hoàn thiện cơ chế chính sách:

- Nghiên cứu, vận dụng kinh nghiệm quốc tế trong việc quy định về điều kiện năng lực đối với các cá nhân, tổ chức và việc kiểm soát các hoạt động thí nghiệm, kiểm định, quan trắc trong lĩnh vực xây dựng.

- Xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để quản lý và kiểm soát các tổ chức trong hoạt động thí nghiệm, kiểm định, giám định, quan trắc trong lĩnh vực xây dựng, cụ thể:

+ Chuẩn hóa về điều kiện năng lực, công nhận và xếp hạng các tổ chức thí nghiệm, kiểm định, giám định trong lĩnh vực xây dựng;

+ Điều chỉnh hoạt động và quy trình thực hiện các công tác thí nghiệm, kiểm định, giám định trong lĩnh vực xây dựng;

+ Quy định và hướng dẫn công tác quan trắc, kiểm định, đánh giá an toàn đối với các bộ phận kết cấu, thiết bị công trình có ảnh hưởng tới điều kiện an toàn của công trình xây dựng trong quá trình thi công, vận hành, khai thác và sử dụng;

+ Xây dựng và công bố bộ định mức chi phí cho công tác thí nghiệm, kiểm định, quan trắc trong lĩnh vực xây dựng.

b) Hoàn thiện hệ thống các tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật

- Rà soát, quy hoạch và xây dựng lộ trình hoàn thiện hệ thống các tiêu chuẩn kỹ thuật đối với công tác thí nghiệm, kiểm định, quan trắc trong lĩnh vực xây dựng.

- Biên soạn, sửa đổi, chuyển dịch từ 15 đến 20 tiêu chuẩn kỹ thuật quan trọng về công tác thí nghiệm, kiểm định, quan trắc trong lĩnh vực xây dựng.

- Tổng hợp, sắp xếp, in ấn, phát hành bộ ấn phẩm về các tiêu chuẩn kỹ thuật đối với công tác thí nghiệm, kiểm định, quan trắc trong lĩnh vực xây dựng;

- Chuẩn hóa các quy trình kỹ thuật hướng dẫn phương pháp kiểm định, quan trắc trong lĩnh vực xây dựng.

c) Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ

- Rà soát, nghiên cứu, xây dựng chương trình đào tạo và hoàn thiện các bộ tài liệu giảng dạy về công tác thí nghiệm, kiểm định, quan trắc trong lĩnh vực xây dựng.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ trong nước và nước ngoài:

+ Đào tạo nghiệp vụ, nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý phòng thí nghiệm: Khoảng 600 học viên;

+ Đào tạo nghiệp vụ, nâng cao năng lực về thí nghiệm phá hủy: Khoảng 1.500 thí nghiệm viên;

+ Đào tạo nghiệp vụ, nâng cao năng lực về thí nghiệm không phá hủy: Khoảng 1.500 thí nghiệm viên;

+ Đào tạo nghiệp vụ, nâng cao năng lực về kỹ năng kiểm định, đánh giá chất lượng vật liệu xây dựng, chất lượng công trình xây dựng: Khoảng 1.000 học viên;

+ Đào tạo nghiệp vụ, nâng cao năng lực về công tác quan trắc công trình xây dựng: Khoảng 600 học viên;

+ Đào tạo nâng cao tại nước ngoài đối với một số chuyên gia về đánh giá chất lượng công trình xây dựng: Khoảng 50 chuyên gia;

+ Phổ biến văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về thí nghiệm, kiểm định, quan trắc trong lĩnh vực xây dựng: Khoảng 3.000 học viên.

d) Hỗ trợ đầu tư, nâng cấp trang thiết bị thí nghiệm và đầu tư xây dựng cơ bản cho các tổ chức kiểm định

- Trung tâm Công nghệ quản lý chất lượng công trình xây dựng Việt Nam trực thuộc Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, Bộ Xây dựng.

- Trung tâm Tư vấn và Chuyển giao công nghệ Thủy lợi trực thuộc Tổng cục Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Trung tâm Kỹ thuật Đường bộ trực thuộc Tổng cục Đường bộ, Bộ Giao thông vận tải.

- Các tổ chức kiểm định trực thuộc các Khu Quản lý đường bộ, Tổng cục Đường bộ, Bộ Giao thông vận tải.

- Các tổ chức kiểm định trực thuộc các Sở Xây dựng địa phương.

Khuyến khích các tổ chức thí nghiệm, kiểm định, quan trắc trong lĩnh vực xây dựng tăng cường trang thiết bị thí nghiệm và đầu tư xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn tự có và nguồn vốn hợp pháp khác.

Việc đầu tư nâng cấp trang thiết bị thí nghiệm và đầu tư xây dựng cơ bản phải căn cứ vào nhu cầu sử dụng và phù hợp với danh mục trang thiết bị do Bộ Xây dựng quy định và quy mô, phân kỳ đầu tư đối với các tổ chức kiểm định, bảo đảm việc khai thác sử dụng trang thiết bị có hiệu quả.

đ) Hỗ trợ hoạt động nghề nghiệp cho tổ chức thí nghiệm, kiểm định, quan trắc trong lĩnh vực xây dựng

- Tổ chức các hội thảo chuyên đề, hội thảo khoa học quốc tế về thí nghiệm, kiểm định, giám định, quan trắc hợp trong lĩnh vực xây dựng.

- Tổ chức các đoàn khảo sát, học tập kinh nghiệm tại nước ngoài cho các thành viên Mạng Kiểm định chất lượng công trình xây dựng.

- Điều tra, khảo sát các tổ chức hoạt động thí nghiệm, kiểm định và chứng nhận chất lượng đang hoạt động trong cả nước để đưa vào cơ sở dữ liệu quản lý và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Mạng kiểm định chất lượng công trình xây dựng Việt Nam.

- Hoàn thiện và vận hành trang thông tin điện tử của Mạng kiểm định chất lượng công trình xây dựng Việt Nam.

- Xuất bản định kỳ bản tin “Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng”.

- Hỗ trợ một số tổ chức xây dựng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động thí nghiệm, kiểm định, quan trắc trong lĩnh vực xây dựng.

3. Nguồn vốn và kinh phí thực hiện

a) Nguồn vốn thực hiện Đề án:

- Nguồn kinh phí bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp và quy định tại Luật ngân sách nhà nước.

- Các nguồn vốn hợp pháp khác, bao gồm cả vốn do các tổ chức kiểm định tự đầu tư từ kinh phí thu được thông qua hoạt động dịch vụ.

b) Kinh phí thực hiện Đề án:

- Kinh phí đầu tư từ ngân sách trung ương: 465 tỷ đồng (chi tiết tại Phụ lục III kèm theo).

- Kinh phí từ ngân sách địa phương và từ nguồn vốn khác: Hỗ trợ hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ; đầu tư, nâng cấp trang thiết bị và đầu tư xây dựng cơ bản còn lại (theo các dự án thành phần được phê duyệt).

c) Cơ chế hỗ trợ, đầu tư từ các nguồn vốn

- Nghiên cứu, đổi mới và hoàn thiện cơ chế chính sách: Nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương.

- Hoàn thiện hệ thống các tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật: Nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương.

- Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ:

+ Kinh phí biên soạn tài liệu giảng dạy, đào tạo cán bộ cho các tổ chức kiểm định thuộc các Bộ, cơ quan Trung ương, tổ chức kiểm định ở các tỉnh theo hình thức đào tạo giảng viên: Nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương;

+ Kinh phí tổ chức các lớp đào tạo phổ cập cho các đối tượng còn lại: Ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác.

- Hỗ trợ đầu tư, nâng cấp trang thiết bị thí nghiệm và đầu tư xây dựng cơ bản cho các tổ chức kiểm định:

+ Đầu tư xây dựng cơ bản và nâng cấp trang thiết bị của 03 tổ chức kiểm định thuộc các Bộ: Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách trung ương;

+ Đầu tư nâng cấp trang thiết bị thí nghiệm cho các tổ chức kiểm định thuộc các tỉnh: Hỗ trợ một phần từ nguồn vốn đầu tư từ ngân sách trung ương, phần còn lại đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác;

+ Đầu tư xây dựng cơ bản cho các tổ chức kiểm định thuộc các địa phương: Nguồn ngân sách địa phương và từ các nguồn vốn khác.

- Hỗ trợ hoạt động nghề nghiệp cho tổ chức thí nghiệm, kiểm định, quan trắc trong lĩnh vực xây dựng: Nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương và các nguồn vốn khác.

- Kinh phí hoạt động của Ban Điều hành: Nguồn quản lý hành chính từ ngân sách trung ương.

4. Lộ trình thực hiện

Đề án được triển khai từ năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Sau khi hoàn thành, Bộ Xây dựng chỉ đạo tổng kết, đánh giá về hiệu quả và tác động của Đề án tới năng lực kiểm định chất lượng công trình xây dựng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Xây dựng

Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Chủ trì thực hiện việc nghiên cứu, đổi mới và hoàn thiện cơ chế chính sách có liên quan.

- Chủ trì, phối hợp các Bộ, ngành có liên quan hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật và ban hành danh mục Quy chuẩn, Tiêu chuẩn kỹ thuật về thí nghiệm, kiểm định, quan trắc trong lĩnh vực xây dựng.

- Chủ trì, phối hợp các địa phương và các cơ quan liên quan tổ chức thông tin, tuyên truyền, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, tập huấn về tăng cường năng lực kiểm định chất lượng công trình xây dựng.

- Tổ chức kiểm tra hiện trạng và nhu cầu đầu tư của các tổ chức kiểm định, quy định danh mục trang thiết bị thí nghiệm được hỗ trợ, thẩm định mức hỗ trợ, đầu tư và hướng dẫn các tổ chức kiểm định thực hiện việc đầu tư, nâng cấp trang thiết bị thí nghiệm và đầu tư xây dựng cơ bản.

- Hỗ trợ các hoạt động nghề nghiệp cho tổ chức thí nghiệm, kiểm định, quan trắc trong lĩnh vực xây dựng.

- Chủ trì, phối hợp Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổng hợp kế hoạch vốn, sắp xếp phân kỳ đầu tư hàng năm, theo từng giai đoạn cho các tổ chức kiểm định.

- Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc soạn thảo, công bố tiêu chuẩn quốc gia về xây dựng.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính bố trí kế hoạch vốn đầu tư phát triển theo quy định để thực hiện các nhiệm vụ theo lịch trình Đề án.

- Phối hợp với Bộ Xây dựng và các cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Đề án theo đúng quy định.

3. Bộ Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí kinh phí chi thường xuyên theo quy định để thực hiện các nhiệm vụ theo lịch trình của Đề án theo đúng quy định.

- Phối hợp với Bộ Xây dựng và các cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Đề án.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng trong việc soạn thảo, công bố tiêu chuẩn quốc gia về xây dựng.

5. Các Bộ: Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Phê duyệt các dự án thành phần và chỉ đạo các tổ chức kiểm định được hỗ trợ thuộc phạm vi quản lý thực hiện dự án thành phần bảo đảm phù hợp với các nội dung của Đề án.

- Phối hợp với Bộ Xây dựng chỉ đạo các đơn vị, cơ quan chuyên môn nghiên cứu soạn thảo các tiêu chuẩn ngành, quy trình kỹ thuật có liên quan để quản lý phòng thí nghiệm, trang thiết bị.

- Xây dựng kế hoạch vốn, cân đối và bố trí nguồn vốn ngoài mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương để thực hiện các nội dung đầu tư còn lại cho các đơn vị được hỗ trợ từ Đề án thuộc phạm vi quản lý của ngành theo dự án thành phần được phê duyệt.

- Định kỳ hằng năm hoặc đột xuất báo cáo Bộ Xây dựng về kết quả thực hiện Đề án.

6. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Phê duyệt dự án thành phần và chỉ đạo tổ chức kiểm định được hỗ trợ thuộc phạm vi quản lý thực hiện dự án thành phần bảo đảm phù hợp với các nội dung của Đề án.

- Xây dựng kế hoạch vốn, cân đối và bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương và nguồn vốn khác ngoài mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương để thực hiện các nội dung đầu tư còn lại cho đơn vị được hỗ trợ từ Đề án thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo dự án thành phần được phê duyệt.

- Bố trí mặt bằng xây dựng văn phòng làm việc và phòng thí nghiệm cho các đơn vị thụ hưởng thuộc phạm vi quản lý.

- Định kỳ hằng năm hoặc đột xuất báo cáo Bộ Xây dựng về kết quả thực hiện Đề án.

Điều 3. Bộ Xây dựng căn cứ mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể của Đề án, thành lập Ban điều hành để theo dõi, đôn đốc chỉ đạo thực hiện Đề án; hàng năm tổ chức đánh giá việc thực hiện Đề án báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 1843/QĐ-TTg ngày 05 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Tăng cường năng lực kiểm định chất lượng công trình xây dựng ở Việt Nam.

Bộ trưởng các Bộ liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các PTT Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Công Thương, Xây dựng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Công TTĐT, các Vụ: TH, KNTN, KGVX, PL;
- Lưu: Văn thư, KTN (3b). N 161



**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Hoàng Trung Hải



Phụ lục I
PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG, NHIỆM VỤ CỦA ĐỀ ÁN
Ban hành kèm theo Quyết định số 1511/QĐ-TTg
ngày 12 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Nội dung, nhiệm vụ	Chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian Thực hiện
1	Nghiên cứu, đổi mới và hoàn thiện cơ chế chính sách	Bộ Xây dựng	Các Bộ, ngành có liên quan	Quý II/2012 đến Quý II/2015
2	Hoàn thiện hệ thống các tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật	Bộ Xây dựng	Các Bộ: Khoa học và Công nghệ, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quý I/2013 đến Quý II/2015
3	Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ	Bộ Xây dựng	Các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Quý II/2012 đến Quý IV/2015
4	Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị thí nghiệm và đầu tư xây dựng cơ bản cho các đơn vị	Bộ Xây dựng	Các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Quý I/2013 đến Quý II/2015
5	Hỗ trợ hoạt động nghề nghiệp cho tổ chức thí nghiệm, kiểm định, quan trắc và chứng nhận sự phù hợp trong lĩnh vực xây dựng	Bộ Xây dựng	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các tổ chức thí nghiệm, kiểm định, quan trắc và chứng nhận sự phù hợp trong lĩnh vực xây dựng	Quý II/2012 đến Quý IV/2015



Phụ lục II
DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH ĐƯỢC HỖ TRỢ KINH PHÍ
ĐẦU TƯ TRANG THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM
Bắt đầu thực hiện theo Quyết định số 1511/QĐ-TTg
ngày 10 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tổ chức kiểm định	Chức năng, nhiệm vụ
1	Trung tâm Tư vấn và Kiểm định xây dựng An Giang, tỉnh An Giang	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
2	Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng Bà Rịa - Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
3	Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định chất lượng công trình xây dựng Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
4	Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định chất lượng xây dựng, tỉnh Bắc Kạn	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
5	Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
6	Trung tâm Kiểm định chất lượng và Kinh tế xây dựng, tỉnh Bắc Ninh	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
7	Trung tâm Tư vấn và Kiểm định xây dựng Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
8	Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng, tỉnh Bình Định	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
9	Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng, tỉnh Bình Phước	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
10	Trung tâm Kiểm định xây dựng Bình Thuận, tỉnh Bình Thuận	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
11	Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng, tỉnh Cà Mau	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
12	Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương

13	Trung tâm Kiểm định và Quy hoạch xây dựng, thành phố Cần Thơ	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương và vùng đồng bằng sông Cửu Long
14	Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng Đà Nẵng, thành phố Đà Nẵng	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương và vùng duyên hải miền Trung
15	Trung tâm Kiểm định xây dựng, tỉnh Đắk Lắk	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương và vùng Tây Nguyên
16	Trung tâm Kiểm định Quy hoạch xây dựng Đắk Nông, tỉnh Đắk Nông	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
17	Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng, tỉnh Điện Biên	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
18	Trung tâm Kiểm định xây dựng, tỉnh Đồng Nai	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
19	Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng, tỉnh Đồng Tháp	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
20	Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng Gia Lai	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
21	Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng, tỉnh Hà Giang	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
22	Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng tỉnh Hà Nam, tỉnh Hà Nam	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
23	Viện Khoa học công nghệ và Kinh tế xây dựng Hà Nội, thành phố Hà Nội	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương và vùng Thủ đô
24	Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
25	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tư vấn và Đầu tư xây dựng Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
26	Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng công trình, thành phố Hải Phòng	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
27	Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng, tỉnh Hậu Giang	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương

28	Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng, tỉnh Hòa Bình	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
29	Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng Khánh Hòa, tỉnh Khánh Hòa	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương và vùng Nam Trung bộ
30	Trung tâm Kiểm định và Dịch vụ xây dựng, tỉnh Kiên Giang	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
31	Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định chất lượng công trình xây dựng, tỉnh Kon Tum	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
32	Trung tâm Tư vấn và Kiểm định chất lượng công trình xây dựng, tỉnh Lai Châu	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
33	Trung tâm Kiểm định và Tư vấn xây dựng, tỉnh Lâm Đồng	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
34	Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng, tỉnh Lạng Sơn	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương và vùng Đông Bắc Bắc bộ
35	Trung tâm Kiểm định xây dựng Lào Cai, tỉnh Lào Cai	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương và vùng Tây Bắc Bắc bộ
36	Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng, tỉnh Long An	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
37	Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng tỉnh Nam Định, tỉnh Nam Định	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương và vùng châu thổ sông Hồng
38	Trung tâm Kiểm định xây dựng Nghệ An, tỉnh Nghệ An	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương và vùng Bắc Trung bộ
39	Chi cục Kiểm định chất lượng các công trình xây dựng Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
40	Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định chất lượng xây dựng tỉnh Ninh Thuận, tỉnh Ninh Thuận	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
41	Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
42	Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng Phú Yên, tỉnh Phú Yên	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương

43	Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng Quảng Bình, tỉnh Quảng Bình	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
44	Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng Quảng Nam, tỉnh Quảng Nam	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
45	Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định chất lượng công trình xây dựng Quảng Ngãi	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
46	Viện Quy hoạch và Thiết kế xây dựng Quảng Ninh, tỉnh Quảng Ninh	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
47	Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng, tỉnh Sóc Trăng	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
48	Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng Sơn La, tỉnh Sơn La	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
49	Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng, tỉnh Tây Ninh	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
50	Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
51	Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
52	Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
53	Công ty CP Kiểm định xây dựng Sài Gòn	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương và vùng Đông Nam bộ
54	Trung tâm Thông tin và Dịch vụ xây dựng, thành phố Hồ Chí Minh	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
55	Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng, tỉnh Thừa Thiên Huế	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
56	Trung tâm Tư vấn và Kiểm định xây dựng tỉnh Tiền Giang	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
57	Trung tâm Tư vấn và Kiểm định xây dựng, tỉnh Trà Vinh	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương

58	Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng tỉnh Tuyên Quang	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
59	Trung tâm Tư vấn và Kiểm định xây dựng, tỉnh Vĩnh Long	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
60	Trung tâm Giám sát và Kiểm định chất lượng xây dựng tỉnh Vĩnh Phúc	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
61	Trung tâm Kiểm định xây dựng tỉnh Yên Bái	Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại địa phương
62	Trung tâm Công nghệ quản lý chất lượng công trình xây dựng Việt Nam	Hỗ trợ Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng - Bộ Xây dựng trong hoạt động phục vụ công tác của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, thực hiện nhiệm vụ cơ quan thường trực của Mạng Kiểm định và chức năng, nhiệm vụ được Bộ Xây dựng giao
63	Trung tâm Kỹ thuật đường bộ II, Khu đường bộ II	Hỗ trợ Khu Quản lý Đường bộ II - Tổng cục Đường bộ Việt Nam thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công trình giao thông đường bộ trong phạm vi địa bàn được giao quản lý.
64	Trung tâm Kỹ thuật đường bộ 4, Khu đường bộ 4	Hỗ trợ Khu Quản lý Đường bộ IV - Tổng cục Đường bộ Việt Nam thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công trình giao thông đường bộ trong phạm vi địa bàn được giao quản lý.
65	Trung tâm Kỹ thuật đường bộ V, Khu đường bộ V	Hỗ trợ Khu Quản lý Đường bộ V - Tổng cục Đường bộ Việt Nam thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công trình giao thông đường bộ trong phạm vi địa bàn được giao quản lý.
66	Trung tâm Kỹ thuật đường bộ 7, Khu đường bộ 7	Hỗ trợ Khu Quản lý Đường bộ VII - Tổng cục Đường bộ Việt Nam thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công trình giao thông đường bộ trong phạm vi địa bàn được giao quản lý.
67	Trung tâm Kỹ thuật đường bộ, Tổng cục Đường bộ	Hỗ trợ Tổng cục Đường bộ Việt Nam - Bộ Giao thông vận tải thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công trình giao thông vận tải đường bộ trong phạm vi địa bàn được giao quản lý.
68	Trung tâm Tư vấn và Chuyển giao công nghệ thủy lợi, Tổng cục Thủy lợi	Hỗ trợ Tổng cục Thủy lợi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công trình thủy lợi trong phạm vi địa bàn được giao quản lý.

Phụ lục III
KINH PHÍ VÀ NGUỒN VỐN THỰC HIỆN
 (Phần ngân sách trung ương bổ sung vào kế hoạch hàng năm)
Bổ sung kinh phí theo Quyết định số 1511/QĐ-TTg
ngày 12 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ)



Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung công việc	Ngân sách trung ương			Ngân sách địa phương và nguồn vốn khác	Ghi chú
		Nguồn vốn đầu tư	Nguồn vốn sự nghiệp	Tổng cộng		
1	Nghiên cứu, đổi mới và hoàn thiện cơ chế chính sách.		7.000	7.000		
2	Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật.		7.000	7.000		
3	Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ.		32.600	32.600		
4	Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị thí nghiệm và đầu tư xây dựng cơ bản.	402.756		402.756		
a)	Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị thí nghiệm và đầu tư xây dựng cơ bản cho các tổ chức kiểm định thuộc các Bộ: Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn					
-	Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị thí nghiệm	68.295				
-	Đầu tư xây dựng cơ bản	30.905				
b)	Hỗ trợ đầu tư nâng cấp trang thiết bị thí nghiệm cho các tổ chức kiểm định thuộc các địa phương	266.941				
c)	Chi phí dự phòng hỗ trợ đầu tư nâng cấp trang thiết bị và đầu tư xây dựng cơ bản.	36.615		36.615		
5	Hỗ trợ hoạt động nghề nghiệp.		12.900	12.900		
6	Kinh phí hoạt động của Ban Điều hành Đề án.		3.000	3.000		
	Tổng cộng (1+2+3+4+5+6)	402.756	62.500	465.256		



Phụ lục IV

BẢNG KẾ HOẠCH BỐ TRÍ VỐN CHO ĐỀ ÁN

(Phân vốn sử dụng ngân sách trung ương)

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1511/QĐ-TTg
ngày 12 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kinh phí	Kinh phí bố trí hằng năm				
			Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Nghiên cứu, đổi mới và hoàn thiện cơ chế chính sách	7.000		550	2.500	2.500	1.450
2	Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật	7.000		300	2.500	2.500	1.700
3	Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ	32.600		500	15.000	15.000	2.100
4	Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị thí nghiệm và đầu tư xây dựng cơ bản	402.756			110.000	145.000	147.756
5	Hỗ trợ hoạt động nghề nghiệp	12.900		150	4.300	4.300	4.150
6	Kinh phí hoạt động Ban Điều hành	3.000	363	500	750	750	637
	Tổng cộng	465.256	363	2.000	135.050	170.050	157.793